

Bản án số: **28/2017/HSST**
Ngày: 30/11/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Vũ Thị Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lò Thị Đình

2. Bà Nguyễn Thị Lan

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Thụ - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ tham gia phiên toà: Ông Khổng Duy Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 23/2017/HSST ngày 14 tháng 11 năm 2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: Văn Đức Th Tên gọi khác: Không.

Sinh ngày: 19/01/1992 tại Nghệ An

Nơi ĐKKHKT: Thôn 3, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An;

Chỗ ở: Phường P, quận N, thành phố Hà Nội

Nghề nghiệp: Không.

Trình độ văn hoá: 12/12 phổ thông; Dân tộc: Kinh

Tiền án, tiền sự: Không;

Con ông: Văn Đức Ch - Sinh năm: 1962

Con bà: Nguyễn Thị S - Sinh năm: 1966

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 19/7/2017 cho đến nay - Có mặt tại phiên tòa.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Vắng mặt

1. Anh **Trương Quốc C** - sinh năm 1994; Trú tại Trại giam N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

2. Anh **Ngân Xuân C1**- sinh năm 1976; Trú tại: Số nhà 55, phường B, quận H, thành phố Hà Nội.

3. Anh **Giàng A Ch** - sinh năm 1989; Trú tại: Bản Hua Róm 2, xã N, huyện Đ, tỉnh Đ.

4. Ông **Nguyễn Quyết T** - sinh năm 1966; Trú tại: Tổ dân phố 2, phường H, thành phố Đ, tỉnh Đ
5. Ông **Hoàng Văn P** - sinh năm 1968; trú tại: Khu đô thị Đ, xã Th, huyện Th, thành phố Hà Nội.
6. Anh **Bùi Xuân H** - sinh năm 1991; trú tại: Tổ dân phố 13, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.
7. Bà **Đào Thị H1** - sinh năm 1974; trú tại; Xóm 10, thôn Pt, xã L, huyện Th, thành phố Hải Phòng.
8. Anh **Phạm Văn C2** - sinh năm 1978; Trú tại: Tổ dân phố 6, phường N, thành phố Đ, tỉnh Đ.
9. Chị **Nguyễn Thị Th** - sinh năm 1977; Trú tại: Tổ dân phố 9, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chiều ngày 22/6/2017, tại phòng thi số 43, địa điểm thi trường THPT thành phố Điện Biên Phủ trong kỳ thi THPT quốc gia năm 2017, sau khi kết thúc thi môn Toán, Hội đồng coi thi phát hiện và lập biên bản ghi nhớ Văn Đức Th có hành vi sử dụng chứng minh thư nhân dân giả thi hộ cho thí sinh Trương Quốc C là chiến sỹ nghĩa vụ Trại giam N - Bộ Công an, báo cho công an phường M lập biên bản vụ việc, tạm giữ của Th 01 chứng minh thư nhân dân mang tên C nhưng ảnh là mặt Th, 01 điện thoại Iphone và 2.000.000 đồng. Tạm giữ của C 01 chiếc điện thoại di động, 01 giấy phép lái xe mang tên Trương Quốc C. Ngày 04/7/2017, Cơ quan điều tra công an thành phố Điện Biên Phủ ra quyết định trưng cầu giám định chứng minh thư nhân dân mang tên C là thật hay giả.

Quá trình điều tra xác định được vào khoảng tháng 3/2017, do muốn được vào học trường T, C đến nhà ông Nguyễn Quyết T công tác tại Trại giam N đặt vấn đề giúp đỡ, ông T từ chối. C xin ông T số điện thoại của ông Ngân Xuân C1, đang công tác tại Tổng cục B (vì trước đó C nghe thông tin ông C1 có khả năng giúp được). C đi về, dùng điện thoại của mình có số thuê bao là 0986300594 gọi cho ông C1 đặt vấn đề giúp C vào học tại Trường trung cấp C. Sau đó C điện thoại cho mẹ là bà Đào Thị H1 nhờ lên gặp ông C1 ở Hà Nội. Bà H1 không đi gặp nhưng vẫn nói với C là đã gặp và đưa 200.000.000 đồng cho người lo thi cho C, mục đích để C yên tâm ôn thi. Đến khoảng đầu tháng 4/2017, có người dùng số điện thoại 0965974683 gọi cho C giới thiệu tên là N là người của C1, giúp C trong kỳ thi tới đây. N yêu cầu C gửi ảnh chụp chân dung của C cho N, C không biết để N làm gì. Vào khoảng giữa tháng 4/2017, C nhận được những tám ảnh chân dung của C nhưng mặt của người khác (sau này C mới biết là mặt Th1) do N gửi cho, bảo C dùng tám ảnh này làm hồ sơ đăng ký dự thi để cấp trên dễ nhận biết. C chuyển hồ sơ đăng ký dự thi kỳ thi THPT quốc gia năm 2017 kèm theo ảnh (để trong phong bì thư được dán kín) về Trại giam N. Do C công tác tại điểm lẻ (bảo vệ mục tiêu Bệnh viện Đ, tỉnh Điện Biên) nên Giàng A Ch phụ trách tổng

hợp hồ sơ dự thi của các thí sinh ở Trại giam không phát hiện ảnh không phải mặt của C đã dán vào hồ sơ dự thi của C và trình ký xác nhận, ông Hoàng Văn P - Giám thị Trại giam cũng không phát hiện đã ký cùng 27 hồ sơ khác. Đến giữa tháng 6/2017, có người dùng số điện thoại 0986666868 gọi cho C giới thiệu tên là L, người của C1, bảo C gửi chứng minh thư nhân dân của C cho L. Khoảng 03 ngày sau, N cũng gọi điện thoại bảo C gửi chứng minh thư nhân dân. C để chứng minh thư nhân dân của mình vào một phong bì thư dán kín, gửi xe khách về Hà Nội cho L (C không biết L và N để làm gì). Sáng ngày 19/6/2017, Phạm Văn L đến bến xe Mỹ Đình nhận phong bì thư (còn dán kín, không biết bên trong có gì) chuyển cho N. N nhận rồi đưa lại chứng minh thư nhân dân mang tên C cho Th vào chiều tối ngày 20/6/2017, tại Hà Nội trước khi Th lên Điện Biên, lúc đó L cũng có mặt. Khi nhận được chứng minh thư nhân dân, Th thấy đã bị chỉnh sửa, ảnh là mặt của mình nhưng mang tên C, ai làm thì Th không biết. Tối ngày 20/6/2017, C nghe điện thoại N gọi đến, nói là sáng mai đón người của N lên lo việc cho C. Khoảng 08 giờ ngày hôm sau, C đón Th tại Bến xe khách Đ và đưa về nhà nghỉ Hồng Kỳ thuộc tổ 19, phường M, thành phố Đ và đưa cho Th 1.500.000 đồng để chi tiêu, sinh hoạt. Th nói C ở trong phòng nghỉ, Th đi thi thay cho C (Lúc này C mới biết Th thi hộ C nhưng không biết cách thức như thế nào). Chiều ngày 21/6/2017, Th cầm chứng minh thư nhân dân và giấy báo dự thi do C đưa, đến địa điểm thi làm các thủ tục dự thi, Giám thị của Hội đồng coi thi kiểm tra không phát hiện, đã phát cho Th một giấy dự thi mang tên Trương Quốc C nhưng ảnh của Th. Đến 14 giờ ngày 22/6/2017, Th cầm chứng minh thư nhân dân và giấy dự thi đến, vào phòng thi để làm bài thi môn Toán, sau đó bị phát hiện.

Việc Th thi hộ cho C là do: Vào khoảng cuối tháng 4 năm 2017 tại Hà Nội, Th được Nam trao đổi sẽ thi hộ cho một người trong kỳ thi THPT quốc gia năm 2017, nếu thi đỗ N sẽ trả cho Th 100.000.000 đồng. Khoảng đầu tháng 5/2017, Th được N đưa đi chụp ảnh thẻ, N lấy phai ảnh gốc. Đầu tháng 6/2017, Th được N đưa cho xem một tấm ảnh đã được chỉnh sửa mặt của Th nhưng tóc người khác, N hỏi Th “có giống em không”, Th nói “giống” và hiểu để dùng vào việc thi hộ. Đến 19 giờ 30 phút ngày 20/6/2017, N đưa cho Th chứng minh thư nhân dân mang tên C nhưng mặt Th để lên Điện Biên thi hộ cho C.

Ngoài ra trước đó Th đã thi hộ cho 02 thí sinh khác, cụ thể:

Trong kỳ thi tuyển sinh đại học quân sự năm 2014, thông qua mối quan hệ quen biết giữa Phạm Văn L với Trần Công H3 công tác tại Bộ đội Biên Phòng tỉnh L và Dương Văn D (bố Th2), Nam đứng ra liên hệ cho Th1 thi hộ Th2. Trước khi thi, Th1 được N đưa cho chứng minh thư nhân dân mang tên Th2 nhưng ảnh là mặt của Th2, vì mặt của Th2 và N có nét giống nhau. Kết quả Th2 đỗ vào Trường Sĩ quan Lục quân I, với số tiền N nhận được là 350.000.000 đồng, do ông D đưa cho H3, H3 chuyển cho N, Nam đưa cho Th 100.000.000 đồng.

Trong kỳ thi quốc gia năm 2016, Nam đã liên hệ cho Th thi hộ Nguyễn Hoàng Nhật L vào Trường Học viện H, bằng cách Thái dùng chứng minh thư nhân dân mang tên L nhưng ảnh là mặt của Th do N đưa cho, nhưng kết quả thi L không đỗ nên N và Th đều nhận được tiền theo thỏa thuận với ông Nguyễn Đức C (bố L). L chuyển hồ sơ sang Trường Học viện T và theo học đến nay.

Sau khi thi xong, Th trả lại chứng minh thư nhân dân cho Th và L, sau đó cả hai đã làm mất nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Trong quá trình điều tra bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến gì về hành vi phạm tội của bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và khẳng định hành vi trên của bị cáo **Văn Đức Th** đã đủ yếu tố cấu thành tội: “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” theo quy định tại khoản 1 Điều 267 **Bộ luật hình sự**.

Tại bản kết luận giám định số 562/GĐ-PC54 ngày 10/7/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên kết luận: Chứng minh thư nhân dân mang tên Trương Quốc C là giả.

Bản cáo trạng số: 75/QĐ-VKS-HS ngày 12/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên truy tố bị cáo **Văn Đức Th** về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” theo quy định tại khoản 1 Điều 267 **Bộ luật hình sự**.

Bị cáo **Văn Đức Th** bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên truy tố tại bản cáo trạng số: 75/QĐ-VKS-HS ngày 12/11/2017 cụ thể:

Truy tố: **Văn Đức Th** về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” theo quy định tại khoản 1 Điều 267 **Bộ luật hình sự**.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 267, điểm h, p, s khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo **Văn Đức Th** từ 06 đến 09 tháng tù về tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Tại phiên tòa **Văn Đức Th** đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên Công an thành phố Điện Biên Phủ; Viện kiểm sát nhân dân thành phố

Điện Biên Phủ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét các hành vi như: Dùng chứng minh thư nhân dân mang tên Trương Quốc C nhưng ảnh là mặt của Th do N đưa cho trước đó, sau đó Th đã dùng chứng minh thư nhân dân đó và giấy báo dự thi của C để đến làm các thủ tục dự thi, do giám thị của Hội đồng coi thi kiểm tra không phát hiện được nên đã phát cho Th 01 giấy dự thi mang tên Trương Quốc C nhưng ảnh của Th. Vì vậy mà vào hồi 14 giờ ngày 22/6/2017 Th đã cầm chứng minh thư nhân dân và giấy dự thi đến và vào phòng thi để làm môn toán, sau đó bị phát hiện. Th thực hiện hành vi trên với lỗi cố ý trực tiếp và vì mục đích vụ lợi. *Tại khoản 1 điều 267 BLHS quy định: "1. Người nào làm giả con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác của cơ quan, tổ chức hoặc sử dụng con dấu, tài liệu, giấy tờ đó nhằm lừa dối cơ quan, tổ chức hoặc công dân, thì bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng hoặc bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm".*

Các hành vi trên của **Văn Đức Th** được chứng minh tại: Biên bản tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm; biên bản vụ việc; biên bản ghi nhớ về việc yêu cầu xử lý thí sinh vi phạm quy chế thi ngày 22/6/2017; các lời khai tại bản tự khai và biên bản hỏi cung bị cáo; lời khai tại bản tự khai và biên bản ghi lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; lời khai của bị cáo tại phiên tòa và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy hành vi trên của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức.

Văn Đức Th là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

Từ những phân tích trên, khẳng định Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ truy tố bị cáo **Văn Đức Th** về tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức theo khoản 1 Điều 267 Bộ luật hình sự là hoàn toàn đúng người, đúng tội và có căn cứ pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, phạm tội vì vụ lợi và có mục đích từ trước. Xét hành vi sử dụng giấy chứng minh thư nhân dân giả nhằm lừa dối hội đồng coi thi tại điểm thi trường Trung học phổ thông thành phố Điện Biên Phủ tỉnh Điện Biên của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của Nhà nước, tổ chức, xâm phạm sự hoạt động bình thường, uy tín của cơ quan nhà nước, tổ chức trong lĩnh vực hành chính nhà nước về con dấu, tài liệu được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an trên địa bàn thành phố Điện Biên Phủ.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng, không có tiền án, tiền sự. Nguyên nhân dẫn đến phạm tội là do bị cáo khó khăn về kinh tế và cần tiền để chi tiêu cá nhân mà không phải mất sức lao động nên đã bất chấp pháp luật dần thân vào con đường phạm tội. Tuy nhiên tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa Th đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình gây ra, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, Th được Chủ tịch UBND tỉnh N tặng Bằng khen vì đã có thành tích xuất sắc trong kỳ thi tuyển sinh vào Đại học năm 2010, do đó cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h, p, s khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và để thể hiện sự khoan hồng của Đảng, Pháp luật của Nhà nước ta đối với người phạm tội, Hội đồng xét xử cần xem xét giảm nhẹ phần nào về hình phạt cho bị cáo khi lượng hình và có thể cho bị cáo được hưởng mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt theo quy định tại Điều 47 Bộ luật hình sự (*thời hạn phạt tù bằng thời gian bị cáo đã bị tạm giam*) cũng đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt, sống có ích cho gia đình và xã hội.

[4] Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAM SUNG và 01 giấy phép lái xe của Trương Quốc C không liên quan đến việc phạm tội nên cơ quan điều tra đã trả lại cho C. Đối với số tiền 2.000.000 đồng và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu I PHONE 4S không liên quan đến việc phạm tội nên cơ quan điều tra trả lại cho bà Nguyễn Thị S là mẹ đẻ của Th (người được Th ủy quyền nhận hộ tài sản). Xét thấy việc trả lại tài sản của cơ quan điều tra là đúng với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Xét hành vi thi hộ cho Dương Văn Th2 tại kỳ thi tuyển sinh Đại học năm 2014 và hành vi thi hộ cho Nguyễn Hoàng Nhật L tại kỳ thi THPT quốc gia năm 2016 của bị cáo Văn Đức Th: Quá trình điều tra không đủ căn cứ kết luận Th có hành vi sử dụng giấy tờ giả để đi thi hộ nên cơ quan điều tra không đề cập vấn đề xử lý trách nhiệm hình sự đối với Th. Đối với số tiền 100.000.000 đồng Th được N trả công thi hộ cho Dương Văn Th, Th đã chi tiêu cá nhân hết cơ quan điều tra không thu giữ được. Vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập đến.

Đối với số tiền 400.000.000 đồng là tiền ông Dương Văn D (bố đẻ của Dương Văn Th2) đưa cho Trần Công H3 để tìm người thi hộ cho Th2. Trần Công H3 đã nhận đủ tiền và đưa cho Nguyễn Văn N 350.000.000 đồng để N tìm người thi hộ cho Th, còn lại 50.000.000 đồng Trần Công H đã chi tiêu cá nhân hết cơ quan điều tra không thu giữ được.

Đối với số tiền 350.000.000 đồng là tiền mà Trần Công H đưa cho Nguyễn Văn N để N tìm người thi hộ cho Th. N đã nhận đủ tiền và đưa trả công cho Th 100.000.000 đồng để nhờ Th thi hộ cho Th2, còn lại 250.000.000 đồng N đã chi tiêu cá nhân hết cơ quan điều tra không thu giữ được.

Tại Cơ quan cảnh sát điều tra, Nguyễn Văn N, Phạm Văn L, Nguyễn Đức C, Dương Văn D, Trần Công H3 nhận đứng ra liên hệ cho Th thi hộ; Nguyễn Hoàng Nhật L, Dương Văn Th2, Trương Quốc C, đồng ý cho Th thi hộ. Quá trình điều tra

không đủ cơ sở pháp lý để xử lý theo quy định của pháp luật. Vì vậy Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xử lý đối với những người này.

Đối với Giàng A Ch và Hoàng Văn P, không biết Trương Quốc C nộp ảnh, mặt là của Th về đơn vị làm hồ sơ dự thi; Trương Quốc C chỉ biết Th thi hộ nhưng không biết Th dùng sử dụng chứng minh thư nhân dân giả nên không đặt vấn đề xử lý.

Đối với Ngân Xuân C quá trình tra cơ quan điều tra không đủ căn cứ kết luận C có hành vi thuê Nguyễn Văn N thi hộ cho Trương Quốc C nên không đặt vấn đề xử lý đối với C.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 267 Bộ luật hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng”, do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo không có nghề nghiệp, bản thân không có thu nhập, tài sản không có, sống phụ thuộc vào bố mẹ, hoàn cảnh gia đình kinh tế gia đình khó khăn nên không có khả năng thi hành hình phạt bổ sung là phạt tiền. Vì vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 4 Điều 267 Bộ luật hình sự.

[7] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo **Văn Đức Th** phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo **Văn Đức Th** phạm tội " Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức ".

2. **Về hình phạt:** Áp dụng khoản 1 Điều 267; điểm h, p, s khoản 1 Điều 46, **Điều 47** Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Văn Đức Th 04 (Bốn) tháng 15 (Mười lăm) ngày tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt tạm giam (19/7/2017).

3. Áp dụng khoản 5 Điều 227 Bộ luật tố tụng hình sự trả tự do cho bị cáo **Văn Đức Thái**, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

4. **Về án phí:** Áp dụng khoản 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo **Văn Đức Th** phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. **Về quyền kháng cáo đối với bản án:**

Áp dụng Điều 231, 234 bị cáo Văn Đức Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (30/11/2017). Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát TPĐBP;
- Công an TPĐBP;
- Bị cáo;
- Chi cục Thi hành án DSTPĐBP;
- Toà án tỉnh Điện Biên;
- Công an trại tạm giam;
- Sở tư pháp tỉnh ĐB;
- UBND phường Tân Thanh, TPĐBP;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Hồ sơ THA hình sự;
- Lưu VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Vũ Thị Tuyền